

Biểu 13

QUY MÔ ĐÀO TẠO, SỐ LƯỢNG NHẬP HỌC MỚI VÀ SỐ LƯỢNG TỐT NGHIỆP
NĂM 2025

STT	Bậc đào tạo/Ngành đào tạo	SLNH Đang học	SLNH Tuyển mới	SLNH Tốt nghiệp	Tỷ lệ NH có việc làm ¹
I	Cao đẳng	1831	821	384	
1	Ngành Điều dưỡng	815	361	186	
	Chính quy	815	361	149	
	Vừa làm vừa học	0	0	37	
2	Ngành Dược	394	95	171	
	Chính quy	329	95	171	
	Vừa làm vừa học	65	0	0	
3	Ngành Hộ sinh	16	6	27	
	Chính quy	15	6	2	
	Vừa làm vừa học	1	0	25	
4	Ngành Y sỹ đa khoa	499	295	0	
	Chính quy	205	122	0	
	Vừa làm vừa học	294	173	0	
5	Ngành Y học cổ truyền	107	64	0	
	Chính quy	41	23	0	
	Vừa làm vừa học	66	41	0	
II	Đại học	8763	1651	1420	
1	Ngành Y khoa	4981	705	483	
	Chính quy	4981	705	483	99,29%
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
2	Ngành YHDP	423	95	19	
	Chính quy	423	95	19	95,24%

¹ Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học.

SLNH: Số lượng người học



STT	Bậc đào tạo/Ngành đào tạo	SLNH Đang học	SLNH Tuyển mới	SLNH Tốt nghiệp	Tỷ lệ NH có việc làm ¹
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
3	Ngành Răng-Hàm-Mặt	506	115	73	
	Chính quy	506	115	73	100%
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
4	Ngành Dược học	1047	178	335	
	Chính quy	1047	178	335	99,48%
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
5	Ngành Điều dưỡng	1119	293	401	
	Chính quy	977	237	343	97,88%
	Vừa làm vừa học	142	56	58	
6	Ngành Kỹ thuật XNYH	266	71	80	
	Chính quy	236	57	52	100%
	Vừa làm vừa học	30	14	28	
7	Ngành Hộ sinh	157	60	29	
	Chính quy	150	53	29	100%
	Vừa làm vừa học	7	7	0	
8	Ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học	132	62	0	
	Chính quy	132	62	0	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
9	Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng	132	72	0	
	Chính quy	132	72	0	
	Vừa làm vừa học	0	0	0	
III	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	65	22	0	
1	Y học dự phòng	18	6	0	100%
2	Nội khoa	20	7	0	100%
3	Nhi khoa	9	2	0	100%
4	Ngoại khoa	18	7	0	100%
IV	Tiến sĩ	36	11	0	
1	Nhi khoa	9	1	0	100%
2	Nội khoa	12	4	0	100%

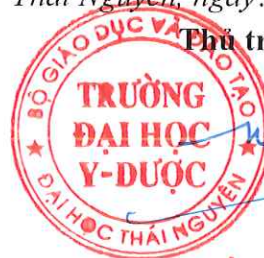
STT	Bậc đào tạo/Ngành đào tạo	SLNH Đang học	SLNH Tuyển mới	SLNH Tốt nghiệp	Tỷ lệ NH có việc làm ¹
3	Y tế công cộng	15	6	0	100%
V	Bác sĩ nội trú	429	118	0	
1	Chẩn đoán hình ảnh	27	9	0	100%
2	Nội khoa	76	19	0	100%
3	Nhi khoa	113	28	0	100%
4	Ngoại khoa	89	20	0	100%
5	Sản phụ khoa	57	18	0	100%
6	Hóa sinh y học	2	1	0	100%
7	Tai mũi họng	26	12	0	100%
8	Ung thư	39	11	0	100%
VI	Chuyên khoa I	1431	662	502	
1	Y tế công cộng	28	5	2	100%
2	Nội khoa	123	54	111	100%
3	Nhi khoa	58	31	21	100%
4	Ngoại khoa	31	17	33	100%
5	Sản phụ khoa	63	34	27	100%
6	Nhân khoa	39	22	10	100%
7	Tâm thần	61	26	2	100%
8	Y học Gia đình	43	32	37	100%
9	Lao	4	0	1	100%
10	Gây mê hồi sức	30	17	16	100%
11	Xét nghiệm Y học	63	42	34	100%
12	Dược lý - DLS	70	19	0	100%
13	Điều dưỡng	459	172	53	100%
14	Y học cổ truyền	33	17	5	100%
15	Ung thư	7	7	2	100%
16	Chẩn đoán hình ảnh	83	52	38	100%
17	Tai mũi họng	66	33	22	100%
18	Răng Hàm Mặt	82	46	19	100%
19	Da liễu	53	17	23	100%



STT	Bậc đào tạo/Ngành đào tạo	SLNH Đang học	SLNH Tuyển mới	SLNH Tốt nghiệp	Tỷ lệ NH có việc làm ¹
20	Phục hồi chức năng	35	19	46	100%
VII	Chuyên khoa II	283	92	0	
1	Y tế công cộng	18	7	0	100%
2	Nội khoa	41	13	0	100%
3	Nhi khoa	39	17	0	100%
4	Ngoại khoa	37	17	0	100%
5	Sản phụ khoa	68	21	0	100%
6	Da liễu	23	4	0	100%
7	Gây mê hồi sức	20	7	0	100%
8	Tai mũi họng	37	6	0	100%

Thái Nguyên, ngày...20 tháng ...5... năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Nguyễn Tiến Dũng